

Tập 24

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang hai mươi tám, đoạn này nói về tánh chất trọng yếu của pháp Trì Danh Niệm Phật.

(Tự) Hựu dĩ nguyện môn quảng đại, quý tại tri tiên. Quán pháp thâm huyền, vu u ng thủ ước. Tri tiên tắc vụ sanh bỉ quốc, thủ ước tắc duy sự trì danh, cử kỳ danh hề, kiêm chúng đức nhi câu bị, chuyên hồ trì dã, thống bách hạnh dĩ vô di.

(序)又以願門廣大，貴在知先，觀法深玄，尤應守約。知先則務生彼國，守約則惟事持名，舉其名兮，兼眾德而俱備，專乎持也，統百行以無遺。

(Tự): Lại do nguyện môn rộng lớn, cần nhất phải biết đâu là chỗ cần kíp trước tiên. Do phép Quán sâu xa, u huyền, càng phải nên chọn lấy cách [hành trì] đơn giản. Biết chỗ cần kíp trước tiên sẽ chú trọng sanh vào cõi kia, giữ lấy cách [hành trì] giản ước sẽ chỉ chăm chú trì danh. Nêu lên danh hiệu ấy, các đức sẽ đều được đầy đủ. Chuyên trì sẽ gồm thâu trăm hạnh chẳng sót).

Trong đoạn văn thuộc phần lời tựa trên đây, lần trước, do thời gian hạn chế, tôi chỉ giảng câu thứ nhất. Câu thứ nhất nói về kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt chỉ ra A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã phát bốn mươi tám nguyện, quả thật chẳng dễ dàng. Trong quá trình chúng ta học Phật, quả thật chúng ta rất khó thấy nghe những hoằng nguyện thù thắng như vậy. Nhìn từ chỗ này, chúng ta mới hiểu thế giới Tây Phương thù thắng là thật sự có lý. Câu thứ hai nói về kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Hai câu này được sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

(Diễn) “Thâm” vị Quán thâm diệu, “huyền” vị Lý u huyền. Kinh trung Quán pháp, nãi dĩ pháp giới tâm quán pháp giới cảnh.

(演)深謂觀深妙，玄謂理幽玄。經中觀法，乃以法界心，觀法界境。

(Diễn: “Thâm” là phép Quán sâu mầu, “huyền” là Lý huyền diệu, u viễn. Pháp Quán được nói trong kinh chính là dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh).

Gộp cả ba kinh lại để nhìn, chúng ta sẽ rất dễ thấu hiểu lý luận, hành pháp, cảnh giới của pháp môn này. Pháp môn này là pháp môn Đại Thừa. Điều quan trọng nhất trong pháp môn Đại Thừa là tâm lượng phải lớn; tâm lượng chẳng lớn sẽ chẳng tương ứng với pháp môn này. Thật sự muốn cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta nhất định phải chú ý chuyện này, phải mở rộng tâm lượng của chính mình. “*Pháp giới tâm*” là chân tâm, chẳng phải vọng tâm, chữ “*pháp giới*” chỉ điều gì? Chỉ Nhất Chân pháp giới. Nếu không có chân tâm, sẽ chẳng thể thấy toàn thể pháp giới, cho đến cảnh giới vi tế trong pháp giới. Người bình thường quyết chẳng thể tu [các pháp Quán trong] Thập Lục Quán Kinh được, đừng nói mười sáu phép Quán, phép Quán thứ nhất là quán “mặt trời lặn giống như cái trống treo” đã khá khó thành tựu rồi! Những cảnh giới trong những phép Quán sau đó, mỗi một tầng càng sâu màu hơn. Nói cách khác, mỗi tầng sau càng khó quán hơn tầng trước. Lý luận [trong kinh ấy] được nói hết sức châu đáo, tường tận, do vậy, tuy chúng ta là người tu theo cách Trì Danh Niệm Phật, lịch đại tổ sư đại đức vẫn thường khuyến khích chúng ta đọc Quán Kinh Diệu Tông Sao vì sách này giảng rõ đạo lý Tịnh Độ.

(Diễn) Sanh ư pháp giới y chánh sắc tâm, khởi phi thâm diệu? Kinh trung y chánh, dẫn Ứng sắc nhất tướng khả chiếu tam thân, y báo nhất trần tức Tịnh Quang độ, khởi bất u huyền?

(演) 生於法界依正色心，豈非深妙。經中依正，但應色一相可照三身，依報一塵即寂光土，豈不幽玄。

(Diễn: Sanh ra y báo và chánh báo, sắc, tâm của pháp giới, há chẳng phải là sâu màu? Y báo và chánh báo trong kinh, chỉ một sắc tướng nơi Ứng Thân đã có thể chiếu ba thân, một mảy trần của y báo chính là cõi Tịnh Quang, há chẳng u huyền ư?)

Đây là hành pháp, căn cứ lý luận, đồng thời là cảnh giới của mười sáu phép Quán. Y báo, chánh báo, sắc pháp, tâm pháp của mười phương thế giới đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Pháp giới tâm tức chân tâm có thể hiện, thức tâm có thể biến, biến hóa sâu màu quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Trong Quán Kinh nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương; ở đây, sách Diễn Nghĩa đã quy nạp thành câu “*dẫn Ứng sắc nhất tướng*” (chỉ một sắc tướng nơi Ứng Thân), Ứng (應) là Ứng Thân, một tướng nơi sắc thân của Ứng Thân có thể chiếu ba thân. “*Y báo nhất trần*” (một hạt bụi nơi y báo) chính là Thường Tịnh Quang Tịnh Độ, lý được chứa đựng trong ấy hết sức sâu. Từ Yếu Giải và

Sớ Sao, chúng ta đã từng đọc thấy [bốn cõi Tịnh Độ], tuy nói bốn cõi, nhưng bốn cõi ấy viên dung. Do đây có thể biết: Trong cảnh giới, có phải là thật sự có bốn cõi hay chăng? Nếu thật sự có bốn cõi thì làm sao bốn cõi có thể viên dung được? Chúng ta hãy nghĩ kinh Bát Nhã đã nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Chúng ta hỏi: Bốn cõi có phải là pháp hữu vi hay không? Bốn cõi có sắc tướng hay không? Đã có sắc tướng, đương nhiên chẳng thể trái nghịch định luật này. Do đây có thể biết: Bốn cõi do đâu mà có? Từ tâm thức của chúng sanh biến hiện ra. Tây Phương Tịnh Độ là như vậy, [thế giới] hiện tiền của chúng ta há là ngoại lệ? Vấn đề ở chỗ tâm uế hay tịnh, tâm thanh tịnh sẽ hiện Tịnh Độ, tâm ô uế sẽ hiện uế độ, cảnh giới do chính mình biến hiện.

Ví như người tâm địa thiện lương hằng ngày nằm mộng tốt lành, người lòng dạ hiểm ác thường gặp ác mộng. Cảnh mộng ấy từ đâu mà có? Từ tâm của chính mình biến hiện ra. Những cảnh giới biến hiện ra để chính mình hưởng thụ, chính mình biến cho chính mình dùng. Mười phương thế giới cũng không ra ngoài lệ ấy, Lý và Quán ấy hết sức sâu màu! Đặc biệt là Tây Phương thế giới. Ở Tây Phương thế giới, chẳng những là bản thân mình giác chứ không mê, mà còn có điều thù thắng nhất là có thể ở cùng một chỗ với các vị thượng thiện nhân. Chữ “*thượng thiện*” chỉ các vị Đẳng Giác Bồ Tát. Cảnh giới của các vị Đẳng Giác Bồ Tát là Tịch Quang Tịnh Độ. Do vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu là hạ phẩm hạ sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cũng đã có thể cùng các vị Đẳng Giác Bồ Tát nắm tay cùng đi, cho thấy họ cũng có sự thụ dụng của các cõi Tịch Quang và Thật Báo. Đây là chỗ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của thế giới Tây Phương.

Phép Quán quá sâu, quá huyền, cho thấy nó rất khó đối với hạng người tầm thường như chúng ta. Về Lý, chắc chắn chúng ta có thể tin tưởng, chẳng có nghi vấn, nhưng cách tu quả thật chẳng dễ dàng. Ở đây, đại sư dạy chúng ta, đối với phương pháp tu hành, càng phải nên “*thủ ước*” (giữ lấy cách đơn giản). “*Ước*” (約) là đơn giản, phương pháp tu hành càng đơn giản càng hay!

(Diễn) Ước giả, giản ước dã. Duy thử tứ tự, cánh vô biệt pháp, hà đẳng giản dị.

(演) 約者，簡約也。唯此四字，更無別法，何等簡易。

(**Diễn:** “Ước” là giản ước. Chỉ có bốn chữ, không còn pháp nào khác, đơn giản, dễ dàng chỉ bằng?)

Chính vì pháp này quá đơn giản, quá dễ dàng, cho nên có người đâm ra không tin tưởng, hoài nghi, đó là một tầng chướng ngại. Còn có một tầng chướng ngại khác nữa: Cảm thấy pháp này đơn giản, dễ dàng, chịu tu tập, nhưng không nghiên cứu sâu xa đạo lý; do vậy, tuy miệng niệm bốn chữ Phật hiệu, tâm chẳng tương ứng, niệm chẳng đúng pháp, nên cũng chẳng thể thành công. Thật ra, muốn tương ứng cũng thật sự rất đơn giản, đúng như tâm pháp do hòa thượng Biện Dung đời Minh truyền cho Liên Trì đại sư. Khi ấy, lão hòa thượng Biện Dung là bậc đại đức đương thời, Liên Trì đại sư đến chỗ Ngài tham phỏng, Ngài chỉ dạy cho đại sư ba câu: “*Chẳng tham lợi, chẳng tham danh, đừng nắm nín kẻ quyền quý*”. Đối với những kẻ làm quan, có tiền, có thế lực trong thế gian, trọn chớ nên bỏ dờ, trọn chớ nên dựa dẫm, dùng ba câu ấy, thật thà niệm Phật!

Thành tựu một đời của Liên Trì đại sư, theo như lão nhân gia nói, Ngài đắc lực nhờ lần giáo huấn ấy của pháp sư Biện Dung. Ngài đến tham phỏng thật chẳng dễ dàng, tam bộ nhất bái, lạy miết đến trước mặt lão hòa thượng. Lão hòa thượng dạy Ngài mấy câu như vậy, những người bên cạnh nghe xong, đều cười nhạo: “Từ chốn xa xôi, tam bộ nhất bái kiên thành như thế, dập đầu trước mặt lão hòa thượng, chúng tôi đều cho rằng lão hòa thượng sẽ có lời khai thị bất phàm nào khác, [hóa ra, Ngài chỉ nói những câu] tầm thường vốn nghe đã nhàm tai!” Đây chính là như tổ Ấn Quang đã nói: “*Một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích*”. Liên Trì đại sư do tâm lòng mười phần cung kính, nên Ngài thật sự được một đời thành tựu nhờ bốn câu sau đây: “*Chẳng tham của, chẳng tham danh, chẳng nắm nín kẻ quyền quý, thật thà niệm Phật*”. Thiền sư Biện Dung tuy là bậc đại triết đại ngộ trong Thiền Tông, cuối cùng Ngài vẫn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thế nhưng ba câu nói ấy chẳng dễ gì thực hiện! Mấy ai có thể bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng? Bỏ chẳng được, sẽ chẳng tương ứng; đừng nói chẳng đắc nhất tâm, ngay cả công phu thành phiền cũng chẳng thể thành tựu. Đừng nói công phu thành phiền chẳng thể thành tựu, ngược lại còn chuốc lấy một thân đầy tội nghiệp, quả báo ở trong tam đồ, chúng ta chẳng thể không cảnh giác điều này. Nếu nói còn chút nào chưa buông xuống được, tuy vãng sanh bị chướng ngại, nhưng còn có thể hưởng phước báo trong đường trời người thì kẻ ra cũng còn đỡ! Chẳng những sự vãng sanh của quý vị bị chướng ngại, mà còn bị lôi kéo vào trong ba ác đạo, rắc rối ở chỗ này!

Vì thế, bốn chữ [A Di Đà Phật] này đơn giản thật đấy, nhưng thật sự niệm Phật cho tốt đẹp phải cần đến học vấn. Có thể buông hết thân tâm, thế giới xuống là có học vấn. Ngàn kinh, vạn luận nói gì cũng chẳng ngoài những điều như vậy mà thôi!

(Diễn) *Hựu ước giả, yếu ước dã.*

(演) 又約者，要約也。

(Diễn: “Ước” còn có nghĩa là giản lược nhưng tinh yếu).

Chữ “yếu” (要) ở đây là tinh yếu.

(Diễn) *Niệm Phật công thành, vô sự bất biện, hà đẳng yếu ước?*

(演) 念佛功成，無事不辦，何等要約。

(Diễn: Công Niệm Phật thành tựu, không chuyện gì chẳng hoàn thành, còn gì đơn giản mà tinh yếu bằng?)

Câu này cũng là thật. Một câu Phật hiệu niệm tốt đẹp, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vô lượng vô biên công đức đều viên mãn, đúng là không chuyện gì chẳng hoàn tất. Ở đây, đại sư khích lệ chúng ta:

(Diễn) *Vưu ưng thủ ước giả, dĩ Thập Lục Diệu Quán, nãi toàn tánh thành tu, toàn tu thành tánh, ngộ tâm thượng sĩ, nãi khắc hành trì.*

(演) 尤應守約者，以十六妙觀，乃全性成修，全修成性。悟心上士，乃克行持。

(Diễn: “Càng phải nên chọn lấy cách tu tập giản ước”: Do mười sáu phép Quán màu nhiệm chính là toàn thể tánh trở thành tu, toàn thể tu trở thành tánh, bậc thượng sĩ ngộ tâm mới có thể hành trì thành công được).

Nói rất rõ ràng! Bậc thượng sĩ ngộ tâm là ai? Chính là người đại triệt đại ngộ mới có thể tu tập được.

(Diễn) *Sơ học hành nhân, vô do thấu bạc cố.*

(演) 初學行人，無由湊泊故。

(Diễn: Hành nhân vừa mới học không cách nào chen chân được).

Học nhân sơ phát tâm quyết chẳng thể tu Quán Tưởng Niệm Phật. [Tổ khẳng định] điều này nhằm khích lệ chúng ta là hàng sơ phát tâm càng phải nên tuân thủ pháp môn Trì Danh Niệm Phật.

Trong lời tựa có nói “*tri tiên, tắc vụ sanh bỉ quốc*” (biết được điều nào là cần kíp trước tiên, sẽ chăm chú sanh về cõi ấy). Đối với yếu lãnh (cương lĩnh quan trọng) của ba kinh, kinh Vô Lượng Thọ quả thật chú trọng nơi phát tâm. Trong đoạn trước, [sách Diễn Nghĩa] đã bảo chúng ta: “*Dục nhập Di Đà nguyện hải, tất tiên ngộ triệt tự tâm, bất ngộ quảng đại chi tâm, bất nhập quảng đại nguyện hải cố*” (Muốn nhập Di Đà nguyện hải, ắt trước hết phải ngộ thấu triệt tự tâm. Chẳng ngộ cái tâm rộng lớn sẽ chẳng thể nhập biển nguyện rộng lớn). Mấy câu này nói hết sức thấu triệt. Nói thật ra, Quán Kinh cũng dạy chúng ta trì danh niệm Phật. “*Thủ ước tắc duy sự trì danh*” (giữ lấy cách tu tập giản ước thì chỉ có chuyên chú trì danh). Nhìn theo cách này, ba kinh có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Trì danh có những chỗ tốt đẹp gì vậy? Mấy câu tiếp theo đây sẽ nêu ra các công đức và lợi ích của trì danh. “*Cử kỳ danh hề, kiêm chúng đức nhi câu bị*” (nêu lên danh hiệu ấy thì các đức đều được trọn đủ), xin xem lời giải thích:

(Diễn) *Cử danh kiêm chúng đức giả, do danh triệu Thể.*

(演) 舉名兼眾德者，由名召體。

(Diễn: “Nêu danh kiêm các đức” là do [niệm] Phật hiệu mà cảm vời Thể).

“*Thể*” là Chân Như bản tánh, tức là bản tánh của chính mình. Danh hiệu A Di Đà Phật chính là danh xưng của bản tánh. Niệm danh hiệu này, sao cho Thật Thể, Thật Tướng, Thật Dụng của danh hiệu đều niệm ra được thì mới là “*thật sự trì danh*”. Tự tánh thanh tịnh tâm vốn là giác chứ không mê. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát gọi nó là Bản Giác, “*Bổn Giác vốn có*”. Danh hiệu ấy hoàn toàn là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Vô Lượng Giác. Niệm một câu danh hiệu là niệm giác tánh của chính mình, từng tiếng lay tỉnh tánh giác của chúng ta, giác chứ không mê, đó gọi là “*chấp trì danh hiệu*”, quý vị phải hiểu đạo lý này.

Nếu mỗi ngày cầm xâu chuỗi niệm danh hiệu, câu nào cũng mê chứ không giác, đó chẳng gọi là trì danh, chẳng gọi là niệm Phật. Phật nghĩa là giác; niệm Phật là niệm giác, niệm niệm giác chứ không mê, đó gọi là “niệm Phật”. Quý vị niệm niệm mê chứ không giác, làm sao có thể gọi là “niệm Phật”? Điều này chứng tỏ bốn chữ [danh hiệu] này chẳng dễ dàng!

Chẳng trách người hiện thời nói: “Người niệm Phật thì nhiều, người vắng sanh ít ỏi!” Người ấy niệm Phật là niệm Danh Tự Phật, chẳng niệm Quán Hạnh Phật. Niệm Quán Hạnh Phật phải có phương cách. Chỉ niệm danh tự, ngay cả danh tự có nghĩa là gì cũng không hiểu, mê hoặc, điên đảo, niệm Phật kiểu đó làm sao thành công cho được? Niệm Quán Hạnh Phật là niệm niệm tự mình đề cao cảnh giác: Chúng ta vừa mới khởi một niệm phân biệt, chấp trước nơi cảnh giới, đó là mê, đó là vô minh; vô minh liên tục phát triển không ngừng, sẽ biến thành Kiến Tư phiền não, sẽ tạo nghiệp, thọ báo. Do vậy, một câu Phật hiệu nhằm kéo chúng ta từ mê muội quay trở lại.

“*Nam-mô*” là quy y, từ trong mê quay đầu trở lại, trở về! Nương theo giác ngộ, nương vào giác tâm, giác tâm là thanh tịnh, giác tâm là bình đẳng, giác tâm là rộng lớn. Như vậy thì mới có thể thành công. Người thật sự giác ngộ, nhất định biết đời người ngắn ngủi, khổ sở, sao cứ phải tạo nghiệp? Thời gian mấy chục năm trong khoảng khảy ngón tay đã hết, rộng tạo tội nghiệp chẳng đáng tí nào, đúng là ngu si, mê hoặc, điên đảo! Càng phải nên giác ngộ [đúng như] cổ nhân thường nói: “*Hoàng tuyền lộ thượng vô lão thiếu*” (Đường đến suối vàng không phân biệt già hay trẻ). Đừng tưởng ta hiện thời vẫn trẻ, mai sau sẽ trưởng thành, quý vị có ký hợp đồng với vua Diêm La hay không? Hãy nhìn vào tháp thờ cốt trong rất nhiều chùa miếu, bao nhiêu người trẻ tuổi? Chúng ta phải đặc biệt đề cao cảnh giác điều này!

Thê của giác tâm là bản thể của Chân Như bốn tánh. Kinh thường nói “*trạm tịch hư linh*” để hình dung nó. Lục Tổ đại sư nói: “*Vốn chẳng có một vật*”. Đây đều là nói về bản thể, tánh thể, Tướng của nó là thanh tịnh, bình đẳng, tác dụng (Dụng) của nó là đại từ đại bi. Do vậy, chúng ta phải nương vào bốn chữ này, niệm cho ra Thê - Tướng - Dụng nơi chân tánh của chính mình. Thê - Tướng - Dụng của chân tánh là con người thật sự [của mỗi người chúng ta], Thiền Tông gọi [chân tánh] là “*diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra*”; trong các kinh Đại Thừa, nó được gọi là “*bổn hữu gia thân*” (của báu sẵn có trong nhà), hoặc Như Như Phật. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác gọi nó là “*bổn lai thành Phật*” (vốn sẵn thành Phật), đều nhằm ý nghĩa này. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] nói đến chuyện dùng danh hiệu [của A Di Đà Phật] để chiêu cảm Thê.

(Diễn) Thê ngoại vô danh, Thê cụ chúng đức, tức danh diệt kiêm chúng đức. Cố nhất xưng danh, tức xưng Phật chúng đức dã.

(演)體外無名，體具眾德，則名亦兼眾德。故一稱名，即稱佛眾德也。

(Diễn: Ngoài Thể không có danh, Thể có đủ các đức, nên danh cũng kèm theo các đức. Vì thế, xưng danh chính là xưng niệm các đức hạnh của Phật vậy).

Ở đây, chữ Phật mang ý nghĩa kép: Tự Phật và Tha Phật. Tha Phật là tán thán Tây Phương giáo chủ A Di Đà Phật, Tự Phật là tâm thanh tịnh của chính mình, tức Phật Tánh của chính mình. Nhất định phải hiểu rõ điều này.

Câu “*chuyên hồ trì dã, thống bách hạnh dĩ vô di*” (Chuyên trì danh, gồm trăm hạnh chẳng sót) là nói:

(Diễn) Dĩ nhất tâm trì danh, vạn duyên tự xả, tức Bồ Thí hạnh. Nhất tâm trì danh, tam nghiệp tự tịnh, tức Trì Giới hạnh đẳng.

(演)以一心持名，萬緣自捨，即布施行。一心持名，三業自淨，即持戒行等。

(Diễn: Do nhất tâm trì danh nên tự bỏ vạn duyên, đây là hạnh Bồ Thí. Nhất tâm trì danh, ba nghiệp tự tịnh, đây là hạnh Trì Giới v.v...)

Ở đây, chỉ nêu lên hai điều trong Lục Ba La Mật, những điều khác bị tính lược. Một câu A Di Đà Phật thâm nhiếp viên mãn lục độ vạn hạnh. Do vậy, nói tới chuyên trì danh hiệu thì “*bách hạnh*” mà chúng ta thường gọi là “lục độ, vạn hạnh”, toàn bộ đều được bao gồm trong ấy. Thế nhưng quý vị phải đặc biệt chú ý chữ Chuyên và chữ Trì. “*Chuyên*” (專) là chuyên nhất, tức nhất tâm trì danh. “*Trì*” (持) là niệm niệm chẳng quên, chẳng thể gián đoạn. Đó gọi là công phu. Thật sự quyết tâm muốn vãng sanh, phải buông thân tâm thế giới xuống, phải buông sạch sành sanh, chẳng nhiễm mấy trần, niệm niệm đều mong sanh về Tây Phương. Thế giới Tây Phương tốt đẹp hơn thế giới này quá nhiều, quý vị phải hiểu điều này! Chỉ cần quý vị có mấy may tham luyến, sẽ chẳng chuyên. Tuy trì danh, nhưng không nhất tâm, tức là không nhất tâm trì danh, sự thành tựu của quý vị sẽ có vấn đề. Công phu thành phiền rất gần với nhất tâm, công phu thành phiền là giai đoạn nào vậy? Kinh nói rất rõ ràng, tuy chưa đoạn phiền não, nhưng một câu Phật hiệu quả thật có thể chế phục phiền não. Kinh Kim Cang nói “*vân hà hàng phục kỳ tâm?*” (hàng phục cái tâm như thế nào?), cái tâm vọng tưởng thật sự bị một câu Phật hiệu chế ngự. Có

năng lực như vậy thì mới gọi là “*công phu thành phiền, đời nghiệp vãng sanh*”. Nếu công phu niệm Phật của chúng ta mà ngay cả phiền não cũng không chế ngự được, sẽ chẳng thể vãng sanh!

Thật ra, trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp trước, các vị đồng tu đang hiện diện đều niệm A Di Đà Phật, nhưng chẳng thể vãng sanh, nguyên nhân là vì đâu? Đời đời kiếp kiếp đều chưa đạt công phu thành phiền, một câu Phật hiệu của quý vị chẳng thể chèn ép phiền não. Sức niệm Phật quá mỏng yếu, sức phiền não quá mạnh mẽ, chèn ép không nổi; do vậy, không thể vãng sanh được! Vì sao không chế ngự được? Quý vị không có tâm buông bỏ, không thật sự bỏ phiền não được; đây là một nguyên nhân lớn. Nguyên nhân thứ hai là công phu niệm Phật của quý vị không liên tục, trở thành hiện tượng “đứt đứt, nối nối”, nên công phu chẳng đắc lực! Muốn công phu đắc lực, danh hiệu phải niệm niệm liên tục, đừng để gián đoạn. Hễ đoạn thì phiền não nổi dậy, tham, sân, si, mạn trời lên. Công phu chẳng đoạn, tâm tâm niệm niệm đều là một câu A Di Đà Phật, như vậy mới có thể áp chế tập khí phiền não, chẳng cho nó dậy lên hiện hành. Đản áp lâu ngày, Phật hiệu có sức mạnh thì mới có thể đời nghiệp vãng sanh.

Còn có một nhân tố trọng yếu nữa, kinh nói “*tâm chẳng điên đảo*”. Người niệm Phật sợ nhất là lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền. Đó là gì? Có bệnh khổ! Hễ có bệnh khổ sẽ nguy hiểm, chuyện này là chuyện phiền phức to lớn. Khi lâm chung cầu gì? Cầu qua đời tốt lành. Cổ nhân Trung Quốc nói tới Ngũ Phước, tức là phước báo gồm có năm thứ; trong Ngũ Phước có “*thọ khảo chung*”, nghĩa là khi chết không bị bệnh khổ, tỉnh táo, sáng suốt, hiểu biết rõ ràng, đó là đại phước báo. Trong Ngũ Phước, phước báo lớn nhất là điều này. Khi lâm chung tỉnh táo, sáng suốt, hiểu biết rõ ràng, chẳng đau khổ chút nào, dầu người ấy chẳng học Phật, cũng trọn chẳng đọa trong ba ác đạo, vì người ấy sáng suốt. Phàm những ai đọa ác đạo, [lâm chung] đều mê hoặc, điên đảo. Nếu người ấy tỉnh táo, sáng suốt, làm sao có thể nhìn vào đường súc sanh [mà ưa thích], làm sao có thể yêu mến ngạ quỷ đọa được? Đó là chuyện không thể có! Người sáng mắt sẽ khéo chọn lựa. Do vậy, người ấy cũng đến hưởng phước báo trong hai đường trời - người. Nếu là người học Phật, quyết định vãng sanh, quý vị chọn sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, quý vị muốn phán đoán một người có thật sự vãng sanh hay không, hãy xem lúc lâm chung người ấy có tỉnh táo hay không, có thể [dựa vào đó] để phán đoán gần đúng tám chín phần trong mười phần. Khi lâm chung bị đau khổ là không được rồi!

Trong quá khứ, khi tôi xuất gia chưa được bao lâu, Phó Hội Trưởng Cư Sĩ Lâm của Hội Niệm Phật chùa Lâm Tế tại Viên Sơn¹ vãng sanh, tướng trạng rất tẻ. Ông ta bình thường hướng dẫn người khác niệm Phật, đến khi chết đau khổ cực điểm. Chẳng những chính mình không thể niệm Phật, mà người khác niệm Phật cho ông ta nghe, ông ta còn chửi họ. Khi ấy, hết thấy Phật hiệu đều cự tuyệt, chẳng nghe, quý vị nói xem còn có cách gì nữa đây! Nghiệp chướng quá nặng! Chúng tôi trông thấy hiện tượng này, mới hiểu vãng sanh chẳng dễ dàng! Từ cổ đến nay, tổ sư đại đức dạy chúng ta tu phước, tu phước báo chẳng cần hưởng phước, để dành đến lúc lâm chung phước báo hiện tiền, tâm chẳng điên đảo, có thể chọn lựa thế giới Cực Lạc để an ổn vãng sanh. Hiện thời, trong thế gian này, cắn chặt răng chịu khổ đôi chút, coi sự khổ ấy chẳng thấm vào đâu, đòi đòi kiếp kiếp đều bị những nhân tố ấy làm hỏng đại sự của chính mình, đời này giác ngộ rồi, phải nên quay đầu! Do vậy, phải sốt sắng tu phước, nhưng chớ nên hưởng phước, phải mở rộng tâm lượng của chính mình, phải buông xuống hết thấy các duyên, tự bỏ vạn duyên. Trừ phi quý vị chẳng nhất tâm, hể nhất tâm, đương nhiên sẽ bỏ được! Trong tâm có vướng mắc sẽ chẳng phải là nhất tâm trì danh. Trong nhất tâm trì danh, chắc chắn không có một vọng niệm nào, không có tơ hào vướng mắc nào! Bồ Thí Ba La Mật của quý vị được viên mãn, tức là tu tâm bồ thí. Nhất tâm trì danh, tam nghiệp tự nhiên thanh tịnh, đây là Trì Giới Ba La Mật. Nhất tâm trì danh, chắc chắn quý vị chẳng tranh chấp với người khác, “*đối với người chẳng tranh, đối với cõi đời chẳng cầu*”, đây là Nhẫn Nhục Ba La Mật. Niệm niệm tiếp nối, đây là Tinh Tấn Ba La Mật.

Pháp môn Niệm Phật thật sự đơn giản, nhưng trọng yếu, danh xứng với Thật, chẳng sai chút nào! Ai cũng có thể tu, ai cũng có thể thành tựu, tùy thuộc quý vị có chịu tu hay không! Nói cách khác, Vô Thượng Bồ Đề ai nấy đều có phần. Đừng nghĩ ta rất ngu si, rất nghèo hèn, không ai chẳng có phần! Pháp này thích hợp khắp ba căn, thâm tóm độn căn lẫn lợi căn. Nói thành thật, kẻ nghèo túng hèn kém đâm ra dễ thành công hơn, vì sao? Họ bỏ dễ dàng, chẳng có phiền não! Càng giàu có, sang trọng, càng khó tu pháp môn này! Vướng mắc càng nhiều, không buông xuống được! Do vậy, phải xả, phải bỏ sạch, bỏ gì? Bỏ những thứ gây chướng ngại vãng sanh, những thứ ấy quý vị không bỏ được! Chúng đều là những thứ gây

¹ Viên Sơn là một rặng núi nhỏ nằm phía Nam sông Cơ Long, phụ cận Đài Bắc. Chùa Lâm Tế này có tên gọi đầy đủ là Lâm Tế Hộ Quốc Thiên Tự, do sư Mai Sơn Tú Huyền (Mai Sơn Đăng Am) thuộc thiên phái Diệu Tâm Tự của tông Lâm Tế Nhật Bản khai sơn vào thời Đài Loan bị Nhật Bản chiếm đóng.

chương ngại vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện này phiền phức to lớn; do vậy, giác ngộ chính là giác ngộ chuyện này!

(Sớ) *Tức tiền Đại Bản, Quán Kinh, giáo nhi luận chi.*

(疏) 即前大本觀經，較而論之。

(Sớ: Trên đây là so sánh để định luận Đại Bản A Di Đà Kinh và Quán Kinh).

Chữ “*tức tiền*” chỉ đoạn lời tựa ở phía trên, Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh là Thập Lục Quán Kinh. Gộp cả ba kinh Tịnh Độ lại để nhìn, so sánh chúng để nói.

(Sớ) *Tri trì danh vu vi yếu ước dã.*

(疏) 知持名尤為要約也。

(Sớ: Biết trì danh thật là tinh yếu, đơn giản vậy).

Đây mới là thật sự phát hiện phép Trì Danh thật là đơn giản, thật khẩn yếu, giản ước.

(Sớ) *Quảng đại giả, dĩ tứ thập bát nguyện, bình bao u hiển, thống quát thánh phàm, quảng đại khôì hoàng, mang vô hạn ngạn, nhập chỉ tất hữu điều tiệm, cố quý tri tiên.*

(疏) 廣大者，以四十八願，併包幽顯，統括聖凡，廣大恢宏，茫無畔岸，入之必有繇漸，故貴知先。

(Sớ: “Rộng lớn” là do bốn mươi tám nguyện phủ trọn u, hiển, gồm hết thánh, phàm, rộng lớn, bao la, mênh mông không bờ bến, vào trong ấy ắt sẽ có thể chứng nhập dần dần; vì thế, cốt yếu là phải biết điều nào là cần kíp trước tiên).

Mấy câu này nói về kinh Vô Lượng Thọ, tức [A Di Đà] Đại Kinh. Trong Đại Kinh, chúng ta có thể thấy được sự vĩ đại của A Di Đà Phật, mười phương ba đời hết thảy chư Phật chẳng thể sánh bằng, đạo lý này hết sức hiển nhiên. Từ kinh luận, chúng ta đọc thấy [chuyện như thế này] rất nhiều: Hễ nói đến thành Phật, bất luận là luận theo mặt Sự hay nói theo mặt Lý, không gì chẳng phải là phá sạch hai thứ chấp, tức là đoạn sạch Ngã Chấp, Pháp Chấp cũng phải đoạn hết, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh thấy đều đoạn sạch, chúng trọn vẹn ba đức (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải

Thoát), đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tám vạn bốn ngàn pháp môn chỉ là những mảnh khoe nhằm tu chứng mà thôi, bất luận dùng phương pháp nào cũng đều có thể thành Vô Thượng Đạo. Lục Ba La Mật, tùy tiện dùng điều nào cũng đều được cả! Ví như dùng Bồ Thí, tức Xả, ta có thể bỏ sạch Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp; Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều bỏ sạch, sẽ thành Phật. Pháp môn nào cũng được, pháp môn bình đẳng, tuy khác đường lối nhưng cùng về một nơi. Sau khi thành Phật, Phật Phật đạo đồng, trí huệ, đức tướng hoàn toàn chẳng khác nhau!

Thế nhưng, hết thấy chư Phật lúc tu nhân phát tâm mỗi vị mỗi khác. Hiện thời, chúng ta phát tâm quá bé, chẳng những không thể gọi là Bồ Đề tâm, mà chúng ta phát ra cái tâm “công lợi”², vì sao chúng ta học Phật? Hy vọng “lìa khổ, được vui”. Lìa khổ, được vui là cái tâm công lợi. Hiện tại chúng ta khổ quá, hy vọng cuộc sống thoải mái một chút, hy vọng học Phật có thể phát tài, hy vọng học Phật sẽ có thể trường thọ, hy vọng học Phật người nhà được bình an, vì những lẽ đó. Nói cách khác, từ trước đến nay, chưa hề phát tâm liễu sanh tử, thoát tam giới, không hề có! Miệng đúng, tâm sai, miệng nói ta muốn thoát tam giới, nhưng tâm chẳng hề mong thoát khỏi tam giới. Miệng nói muốn vãng sanh, chúng ta đã Phật thất tại đây, bảy ngày sẽ vãng sanh, chẳng một ai đến cả. Không được đâu! Bảy ngày sau sẽ chết, mạng tôi còn dài lắm! Chẳng có ai đến hết, miệng đúng, tâm sai!

Chúng ta thấy Lục Tổ phát tâm quá hy hữu! Theo Đàn Kinh chép, Ngài đến núi Hoàng Mai, Ngũ Tổ hỏi Ngài: “Người đến để làm gì?” Ngài thưa: “*Con đến làm Phật!*” Không cầu chi khác, chỉ muốn đến làm Phật! Phát tâm như vậy, khẩu khí như thế đó, đúng là từ trước đến giờ chúng ta chưa hề thấy, chưa hề nghe nói tới. Điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho người khác kính phục; nhưng đem so Lục Tổ với A Di Đà Phật, Lục Tổ sai kém quá xa! Lục Tổ nói “con đến làm Phật”, rất mơ hồ, không rõ ràng cho lắm. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, mỗi một điều đều rất cụ thể, rất thực tế, Lục Tổ chẳng thể nào sánh bằng được! Nhìn như vậy thì tuy Phật Phật đạo đồng, nhưng do khi tu nhân phát tâm khác

² Công lợi, gọi đầy đủ là “công lợi chủ nghĩa” (Utilitarianism, hoặc Utilism) là một học thuyết được đề xướng bởi John Stuart Mill và Jeremy Bentham. Nói tóm gọn, giá trị luân lý của một hành động được biện minh bởi mục đích mang lại hạnh phúc, sung sướng cho nhiều người nhất. Nó thường được dùng với mục đích ngụ biện cho những hành động bất kể hậu quả nếu những hành động ấy đem lại hạnh phúc, hưởng thụ cho một nhóm người nào đó. Ta thường nói là “*cứu cánh biện minh cho hành động*”.

nhau, phát tâm nhất định có kết pháp duyên. Do phát tâm khi tu nhân, mỗi một vị Phật kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh khác nhau.

Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật quá sức rộng lớn. Phát tâm trong khi tu nhân đã phát ra cái tâm ấy, quả thật rất khó có, thật sự chẳng dễ dàng! Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, đọc bốn mươi tám nguyện phải thâm hiểu được một chút ý nghĩa, tâm ấy quả thật đại từ bi, quá thanh tịnh, quá rộng lớn, không ai sánh bằng! Chúng ta cũng có cái tâm thanh tịnh ấy, cũng có lòng từ bi ấy, cũng có cái tâm rộng lớn ấy, nhưng không phát được, vì sao không phát được? Bị vô minh mê hoặc, bị nghiệp chướng gây chướng ngại, tuy có, chẳng thể hiển lộ, chẳng phát ra được!

(Diễn) *U hiển thánh phàm giả, u chỉ tam đồ, hiển chỉ nhân thiên, thánh chỉ tam thừa, phàm chỉ lục đạo.*

(演) 幽顯聖凡者，幽指三途，顯指人天，聖指三乘，凡指六道。

(Diễn): “*U hiển thánh phàm*”: “*U*” chỉ tam đồ, “*hiển*” chỉ trời người, “*thánh*” chỉ tam thừa, “*phàm*” chỉ sáu đường).

Bốn mươi tám nguyện bao gồm trọn khắp, hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới đều được bao gồm trong ấy. Quý vị thấy tâm người ta lớn dường ấy! Tôi thường khuyên khích các đồng tu cầu vãng sanh, nhất định phải bắt đầu bằng tu cái tâm bình đẳng. Bắt đầu tu cái tâm bình đẳng từ đâu? Từ oán thân bình đẳng, chướng ngại trong tâm lượng của chúng ta mới có thể trừ sạch. Oán thân là bất bình đẳng lớn nhất! Nếu tâm quý vị trọn chẳng dung nạp kẻ oán gia đối đầu, làm sao quý vị có thể dung nạp Tam Thừa lục đạo? Ất phải trừ sạch [những quan niệm, chấp trước oán thân]! Trừ sạch sẽ khiến cho chính quý vị mau chóng thành Phật. Quý vị có thể chướng ngại kẻ oán gia đối đầu hay không? Chẳng thể chướng ngại hẳn! Thật ra, hẳn cũng chẳng thể chướng ngại quý vị! Tự mình sanh chướng ngại, đáng thương thay! Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “*Cảnh duyên vô hảo xú*”, tức là cảnh giới bên ngoài không có tốt hay xấu, chẳng có thiện hay ác, chúng đều là trung lập. Hết thảy thiện, ác, tốt, xấu đều do cái tâm của chính mình sanh ra, chính mình chướng ngại chính mình. Nói ngược lại sẽ là: Chính mình thành tựu chính mình. Do vậy, nghiệp chướng quyết chẳng phải do người bên ngoài chướng ngại mình. Nếu quý vị nói người ngoài chướng ngại mình, tức là trên chướng lại chồng thêm chướng, đã mê càng thêm mê, bên ngoài làm sao có thể chướng ngại quý vị được? Nếu người ngoài có thể chướng ngại khiến quý vị chẳng thành tựu, hay

người bên ngoài thật sự có thể giúp đỡ quý vị, mười phương chư Phật đại từ đại bi cũng giúp cho quý vị thành Phật rồi! Chính là vì chư Phật Như Lai chẳng thể giúp quý vị thành Phật, yêu ma quỷ quái cũng chẳng thể chướng ngại quý vị thành Phật. Chướng ngại không được! Nói chung, chuyện này là chuyện của chính mình.

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ nói rất hay: “*Người học Phật phải tự ngộ, tự tu, tự chứng*”, chẳng phải là người khác giúp quý vị thành tựu! Do vậy mới nói: “*Mười phương ba đời chư Phật chẳng độ chúng sanh*”. Thật đấy! Phật chẳng độ chúng sanh, vì quý vị tự độ! Quý vị tự ngộ, tự tu, tự chứng, tự độ, Phật đâu có độ quý vị? Phật chỉ làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta mà thôi, nhắc nhở bản thân chúng ta hãy [tự ngộ, tự tu, tự chứng], tự mình làm như vậy thì mới có thể tự độ. Do vậy, thành công hay thất bại hoàn toàn do mình chịu trách nhiệm! Người giác ngộ, kẻ hiểu rõ, quyết chẳng oán trời hờn người. Nay chúng ta từ phải trừ sạch tội chướng trong tâm từ vô thủy kiếp đến nay, tội chướng lớn nhất là bất bình đẳng. Quý vị vốn có Bình Đẳng Tánh Trí, nhưng do quý vị không bình đẳng, nó chuyển biến thành Mạt Na thức. Nay học Phật, Phật bảo quý vị chuyển thức thành trí; khi mê bèn chuyển trí thành thức, chúng ta biến thành tình trạng như hiện tại. Sau khi giác ngộ, chuyển thức thành trí, khôi phục diện mục vốn có của chúng ta, đó mới gọi là học Phật.

Tôi thường khuyên người ta, đối với kẻ oán gia đối đầu số một, hãy viết một tấm Trường Sanh Lộc Vị cho hắn, đem thờ bên cạnh tượng Phật, mỗi ngày sáng tối lễ Phật đều lễ hắn, coi hắn như Phật vậy, quý vị có chịu làm hay không? Quý vị không chịu làm, tội chướng của chính mình đừng mong dẹp trừ! Có người cũng làm theo, làm được mấy ngày, đến nói với tôi: “Không được rồi! Tâm sân của con vẫn còn, thấy kẻ ấy vẫn nổi nóng, làm sao bây giờ?” Tôi bảo anh ta: “Anh mới thờ mấy bữa, công phu chưa đến mức! Đối đãi với kẻ oán gia đối đầu như Phật, Bồ Tát, tâm sẽ bình. Tâm bình khí hòa, thân thể cũng khỏe mạnh, công phu tăng tấn, hết sức khấn yếu!”

Mấy câu tiếp theo đây nói về tâm lượng rộng lớn, nguyện lực vô cùng. Dưới đây là mấy câu hết sức trọng yếu!

(Sớ) Cố quý tri tiên.

(疏) 故貴知先。

(Sớ: Cho nên điều cốt yếu là phải biết đâu là chuyện cần kíp trước tiên).

Đây là nói: Học Phật thì trước tiên là phát đại nguyện, trước tiên phải phát đại tâm.

(Sớ) Truyền viết: “Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ”.

(疏) 傳曰：知所先後，則近道矣。

(Sớ: Có lời dạy rằng: “Biết trước sau thì gần với đạo vậy”).

Đây là lời Không lão phu tử nói. Câu này trích từ Luận Ngũ. “Truyền” (傳) là lời hay đẹp, cách ngôn của tiền nhân để lại. Quý vị biết chuyện nào trước, chuyện nào sau, thì sẽ gần với đạo. Do vậy, người học đạo, trước hết phải mở rộng tâm lượng, trước hết phải phát đại nguyện. Ngày nay, có rất nhiều người trong chúng ta phát nguyện giả dối, là vọng ngữ, cứ một lần phát nguyện là một lần tạo tội nghiệp. “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, nguyện ấy lớn lắm! Ta vẫn còn có kẻ thù, hề trông thấy là nổi nóng, ta độ chúng sanh, ta chẳng độ kẻ ấy! Đủ thấy nguyện ấy là vọng ngữ, mỗi lần phát nguyện là một lần gây trọng tội, tự mình tạo nghiệp chướng mà chẳng hiểu! Trong tương lai, gặp vua Diêm La, vua Diêm La phán tội vào địa ngục, nói kẻ ấy phạm tội, [liền cãi] “tôi đâu có tội!” Đâu có biết hằng ngày khởi vọng ngữ là tội.

Quen thói trở thành tự nhiên, chẳng biết chính mình đang tạo tội: Hằng ngày đối trước Phật, Bồ Tát, buổi sáng đối gát một lần, buổi tối đối gát lần nữa, làm sao không có tội? Buổi sáng quý vị đọc Tam Quy Y, buổi tối đọc Tam Quy Y, Tam Quy Y là quy y Phật, Phật là giác chứ không mê, nhưng chính mình hằng ngày vẫn đang mê chẳng giác, hết cách rồi! Lần này, tôi lưu thông cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục, trong ấy chỉ có một trăm hai mươi bốn điều, đính kèm phần trích lục pháp ngữ của Liên Trì đại sư, quý vị đọc kỹ sẽ hiểu. Trong ấy có những tấm gương: Có người xuất gia chết đi bị vua Diêm La lôi ra thẩm vấn, người ấy cứ ngỡ mình chẳng có tội lỗi gì, kết quả khi bị vua Diêm La moi ra từng điều một, hoàn toàn là tội lỗi. Do vậy, nhất định phải tin tưởng nhân quả.

Đại sư nói rất đúng, trước hết, phải phát đại nguyện, pháp môn này lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm ba món tư lương. Điều đầu tiên là phải mở rộng tâm lượng, “*tâm bao khắp thái hư, lượng trọn khắp các cõi nước nhiều như cát*”, có thể thật sự phát tâm to lớn ngàn ấy, thì nguyện lực của quý vị và nguyện lực của A Di Đà Phật sẽ chẳng sai khác cho mấy. Công phu chẳng bằng Ngài, nhưng tâm lượng của ta chẳng nhỏ hơn Ngài. Thật đấy, chẳng giả đâu! Có thể dung người, có thể bao hàm người khác thì hạng người ấy có phước.

“*Tiên hậu*”: Trước phát nguyện, sau trì danh. Phát nguyện là chân tâm hiện tiền, trì danh là niệm niệm gọi ra chân tâm. A Di Đà Phật là vô lượng giác tâm, giác là chân tâm, mê là vọng tâm. Nếu biết trước sau thì sẽ gần với đạo. Câu nói này của Không lão phu tử có tánh nguyên tắc, bất luận dùng vào đâu cũng đều thích đáng; nếu áp dụng vào pháp môn niệm Phật thì đạo này sẽ là vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Bồ Đề đại đạo.

(Sớ) *Thâm huyền giả.*

(疏) 深玄者。

(Sớ: *Sâu thăm u huyền là...*)

Bắt đầu từ chỗ này, dùng Quán Kinh để so sánh.

(Sớ) *Dĩ môn phân thập lục.*

(疏) 以門分十六。

(Sớ: *Do môn quán tưởng này được chia thành mười sáu pháp.*)

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh chia thành mười sáu phép Quán.

(Sớ) *Sự phỉ nhổ đoạn, nhi phục diệu quán tinh vi, sơ tâm mị cập, thao chi tất đắc kỳ yếu, cố ưng thủ ước.*

(Diễn) *Sơ tâm mị cập giả, Diệu Tông Sao vân: “Quán tuy thâm diệu, bỗng bị sơ tâm, nhược năng tấn công, hà ưu bất tựu?”*

(疏) 事匪一端，而復妙觀精微，初心靡及，操之必得其要，故應守約。

(演) 初心靡及者，妙宗鈔云：觀雖深妙，本被初心，若能進功，何憂不就。

(Sớ: *Sự chẳng phải chỉ có một mối, phép Quán màu nhiệm lại tinh vi, hàng sơ tâm chẳng thể thực hiện được. Hễ tu tập, ắt phải nhận biết chỗ quan trọng, vì thế, phải nên chọn lấy cách giản ước.*

Diễn: “Hàng sơ tâm chẳng thể thực hiện được”: Sách Diệu Tông Sao viết: “Phép Quán tuy sâu màu, nhưng cũng thích hợp cho hàng sơ tâm. Nếu có thể gắng công, lo gì chẳng thành tựu?”)

Đây lời Trí Giả đại sư nói khi chú giải Quán Kinh. Trong phần trên đã có nói pháp Quán gồm Thứ Độ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán.

Pháp Quán tuy sâu mâu, nhưng chiếu theo Lý để nói thì người mới phát tâm cũng có thể tu tập được. Ngài vốn cũng vì hàng sơ phát tâm mà nói, tuân theo thứ tự định sẵn, từ cạn đến sâu, “*nhược năng tấn công*”, “*tấn*” (進) là tinh tấn, “*công*” (功) là công phu. Nếu có thể tinh tấn thì “*hà ưu bất tỵ*” (lo gì chẳng thành tựu), “*tỵ*” (就) là thành tựu. Lẽ đâu chẳng thành tựu?

(Diễn) *Nhi đại sư như thử thuyết giả.*

(演) 而大師如此說者。

(Diễn: *Nhưng đại sư nói như vậy.*)

Chữ “*đại sư*” chỉ Liên Trì đại sư, Ngài nói hàng sơ phát tâm sợ chẳng thể tu tập được [các phép Quán] vì hai ý nghĩa như sau:

(Diễn) *Nhất giả, dĩ kim chánh kiến lập Trì Danh pháp môn cố.*

(演) 一者，以今正建立持名法門故。

(Diễn: *Một là vì nay đang kiến lập pháp môn Trì Danh.*)

Vì pháp được lão nhân gia đề xướng là Trì Danh Niệm Phật. Trì Danh Niệm Phật dễ dàng hơn pháp Quán rất nhiều.

(Diễn) *Nhị giả, sơ tâm diệc thậm bất đồng, hữu cụ túc viên giải chỉ sơ tâm, nãi chí hữu mang nhiên vị thức chỉ sơ tâm cố.*

(演) 二者，初心亦甚不同，有具足圓解之初心，乃至有茫然未識之初心故。

(Diễn: *Hai là vì hàng sơ tâm hết sức khác nhau. Có người là sơ tâm nhưng trọn đủ sự hiểu biết trọn vẹn, cho đến có hàng sơ tâm hoang mang chẳng hiểu biết gì.*)

Lời này hết sức có lý. Kẻ sơ phát tâm thật sự chẳng giống nhau. Lấy Tứ Giáo của tông Thiên Thai để luận định thì Sơ Phát Tâm trong Tạng, Thông, Biệt, Viên khác nhau. Có người nghe kinh Hoa Nghiêm nói tới hàng Sơ Tín Bồ Tát, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, rất nhiều đồng tu đến hỏi tôi: “Chúng con hiện thời có được coi là Sơ Tín Bồ Tát hay không?” Kinh Hoa Nghiêm là Viên Giáo.

Trong kinh giảng rất rõ ràng điều kiện để thuộc về hàng Sơ Tín Bồ Tát của Viên Giáo. Điều kiện gì vậy? Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc

trong tam giới đã đoạn sạch thì mới gọi là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Chúng ta xem nhé, tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc đoạn sạch thì giống như Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Nếu Tiểu Thừa của Tu Đà Hoàn hồi Tiểu hướng Đại, hướng tới Viên Giáo, họ sẽ là Sơ Tín vị Bồ Tát, chúng ta đâu có đủ tư cách! Nếu nói theo Tạng Giáo, đại khái là không sai khác lắm. Chúng ta là hạng Sơ Phát Tâm mơ mơ màng màng, mờ mờ chẳng hiểu biết như vậy thì cũng có thể nói quý vị là hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát trong Tạng Giáo. Do vậy, Sơ Phát Tâm chẳng dễ dàng đâu nhé!

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, bắt đầu tin tưởng vào Đại Thừa, bắt đầu tin tưởng thì đương nhiên là sơ tâm, nhưng điều kiện cao lắm. Địa vị Kiến Đạo trong Đại Thừa là phải phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh. Do vậy, chuẩn mực này là cao nhất. Địa vị Bồ Tát được nói trong kinh Kim Cang giống như Đại Thừa Khởi Tín Luận, đây là tiêu chuẩn cao nhất. Địa vị Sơ Phát Tâm Bồ Tát trong bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ chính là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Do vì Sơ Phát Tâm khác nhau, “*sơ tâm diệt thậm bất đồng*” (sơ tâm hết sức khác nhau), chẳng thể nói hàm hồ, luông tuồng: Chúng ta đều gọi là Sơ Phát Tâm, chẳng thể nói như vậy được! “*Hữu cụ túc viên giải chi sơ tâm*” (có hàng sơ tâm trọn đủ sự hiểu biết trọn vẹn) chính là Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Đối với Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo thì không có vấn đề gì, đừng nói là Thứ Đệ Tam Quán, ngay cả Nhất Tâm Tam Quán, Ngài đều có thể tu, có thể học được, chỉ cần người ấy thật sự tinh tấn không biếng nhác, quả thật sẽ thành tựu. Thế nhưng, đối với hết thảy những kẻ sơ tâm vô tri mờ mờ Phật pháp, bảo họ tu pháp môn Niệm Phật thì được! Quả thật dễ dàng, chứ giảng những lý luận, phương pháp và cảnh giới trong Thập Lục Quán Kinh cho họ, sợ rằng họ nghe không hiểu, vì kinh ấy thật sự có mức độ khá sâu.

“*Thao chi tất đắc kỳ yếu, cố ưng thủ ước*”: Ý nói chúng ta thật sự muốn đạt được công đức, lợi ích chân thật trong Phật pháp, thành tựu công đức và lợi ích chân thật ngay trong một đời thì quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Nếu chẳng thành tựu trong một đời này, bất luận đạt được lợi ích như thế nào cũng đều uổng công. Quý vị đắc Thiên Định hay khai ngộ cũng thế, đều vô ích, hễ đầu thai lại bị mê muội khi cách ăm. Do vậy, công đức lợi ích thật sự là trong Tây Phương Tịnh Độ. Thật sự sanh về Tây Phương Tịnh Độ mới được coi là thật sự đạt được công đức, lợi ích. Trừ điều này ra, những thứ khác đều chẳng thể gọi là công đức lợi ích chân thật, chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này.

Những gì chúng ta đạt được trước mắt toàn là cảnh giới trong mộng; nếu thật sự giác ngộ, chúng hoàn toàn rỗng tuếch! Tuy nay vẫn còn chưa chết, chết rồi mới hiểu cô nhân nói “*vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (mọi thứ không mang được, chỉ có nghiệp theo thân), không mang theo được thứ gì hết! Thế nhưng chúng ta có giác ngộ hay không? Mỗi ngày, tới đến quý vị đi ngủ là một lần chết nhẹ nhàng, cứ cách vài tiếng đồng hồ quý vị phải chết nhẹ nhàng một bận, quý vị có giác ngộ hay chưa? Quý vị ngủ say vui, có đem theo thứ gì vào dùng trong mộng được hay chẳng? Chẳng mang theo gì cả! Không có thứ gì là của quý vị, ngay cả thân thể, quý vị ngủ rồi, người ta khiêng cái thân quý vị đi, quý vị cũng không biết, thân chẳng phải là chính mình, huống hồ vật ngoài thân! Mỗi ngày tỉnh giấc phải khéo suy nghĩ một phen, thế gian này chẳng có thứ gì là của chính mình, quý vị phải thường nghĩ đến điều này, quý vị sẽ giác ngộ, mà cũng chẳng còn tạo tội nghiệp nữa!

Chính mình chẳng kiếm phiền phức cho chính mình, sau đây, quý vị mới giác ngộ rằng: Hết thấy người trong thế gian và xuất thế gian cũng không có cách nào tạo phiền phức cho quý vị được, mà cũng chẳng có cách nào giúp đỡ quý vị. Tự mình giúp chính mình, mà tự mình cũng chướng ngại chính mình. Trong Phật pháp có câu “vô y đạo nhân”, tức là không dựa dẫm, không ỷ lại, chuyện gì cũng cậy vào chính mình thì mới gọi là “vô y đạo nhân”!

Phật pháp dạy chúng ta phải tự mình nương tựa chính mình, chẳng dối người, đó là không mê tín, là chân thật vậy!

(Sớ) Kha thị viết: “Thủ ước nhi thí bác giả, thiện đạo dã”.

(疏) 軻氏曰：守約而施博者，善道也。

(Sớ) Mạnh Kha nói: “Tiết kiệm, nhưng bố thí rộng rãi, thì là thiện đạo”.

Đây là lời Mạnh Tử nói.

(Diễn) Thủ ước vị tu thân.

(演) 守約謂修身。

(Diễn): “Thủ ước” nghĩa là tu thân).

Tự mình phải khắc khổ, phải cần kiệm.

(Diễn) Thí bác vị thiên hạ bình.

(演) 施博謂天下平。

(Diễn: “Bồ thí rộng rãi” ý nói: thiên hạ yên bình).

“Thí” (施) là bồ thí, chịu hy sinh chính mình để giúp đỡ người khác, ai nấy đều có thể làm như vậy thì thiên hạ thái bình, thiên hạ mới đạt đến công bình. Người khác chưa thể làm, chứ chúng ta nhất định phải làm. Đối với hết thảy mọi người trong thiên hạ, chúng ta đều đối xử bằng tấm lòng bình đẳng, đối đãi bằng cái tâm công chánh. Giảm ước là tu phước, cần kiệm là tu phước.

Dùng cái tâm công chánh, tâm công bình, tâm thanh tịnh để đối đãi hết thảy mọi người, đó gọi là Bồ Thí.

Đây là Bồ Thí Ba La Mật trong Lục Độ, là thiện đạo, là đạo đạt tốt lành tốt cùng, ở đây là nói tới “đạo thành Phật, đạo vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Nếu chúng ta nghe hiểu, thật sự hiểu rõ, từ hôm nay trở đi, hãy thực hiện đúng như thật, quý vị sẽ đạt được đạo thành Phật và đạo vãng sanh Tây Phương. Nếu chịu làm theo, chịu tu theo; sau đây mới có thể thành đạo. Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này.